

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397, điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 3501/2022/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Lê Hữu Bảo Tr**, sinh năm 1991.

HKTT: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1989.

HKTT: ấp M, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: đường L, khu phố S, phường T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Hồ sơ được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp nhận giải quyết. Quá trình vận động hòa giải, anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D thống nhất không hòa giải đoàn tụ. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung vào ngày 29 tháng 12 năm 2022. Anh Lê Hữu Bảo Tr có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và hiện nay cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chị Nguyễn Thị D có hộ khẩu

thường trú tại xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang và hiện nay cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Anh Tr, chị D có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57/2014, ngày 05 tháng 05 năm 2014. Anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Anh Thư, sinh ngày 07/12/2014. Anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, anh chị thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Anh Tr và chị D xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung.

Xét thấy anh Tr và chị D thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của anh Tr và chị D đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của anh Tr và chị D.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/12/2014. Ly hôn, anh Tr, chị D thoả thuận giao cháu Anh T cho chị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (*Ba triệu đồng/tháng*) cho đến khi cháu Thư đủ 18 tuổi và có đủ khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Lê Hữu Bảo Tr không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Hữu Bảo Tr và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005574 ngày 16/12/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, anh Tr và chị D đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú